

A CLOSER LOOK 2 UNIT 12 SGK TIẾNG ANH 9

1. Complete each second sentence so that it has a similar meaning (Hoàn thành mỗi câu thứ hai để mà nó có nghĩa tương tự với câu đầu tiên, không viết nhiều hơn 3 từ.)

1. Although she loves maths, she has decided to become an English teacher.

In spite of _____, she has decided to become an English teacher.

2. He studied hard, but he didn't pass the exam.

Despite _____, he didn't pass the exam.

3. Even though he is lazy, he was given the job.

Despite his _____, he was given the job

4. Although he is short, he has been accepted into the volleyball team.

Despite _____, he has been accepted into the volleyball team.

5. Even though she has poor health, she works twelve hours a day.

In spite of her _____, she works twelve hours a day.

Hướng dẫn giải

1. loving maths	2. studying hard	3. laziness	4. being short	5. poor health
-----------------	------------------	-------------	----------------	----------------

Hướng dẫn dịch

1. Mặc dù cô ấy thích toán, cô ấy đã quyết định trở thành giáo viên tiếng Anh.

2. Anh ấy học rất chăm chỉ, nhưng anh ấy không đỗ kỳ thi.

3. Mặc dù anh ấy lười, anh ấy vẫn có việc làm.

4. Mặc dù anh ấy thấp, anh ấy đã được nhận vào đội bóng chuyên.

5. Mặc dù cô ấy sức khỏe yếu, cô ấy làm việc 12 giờ mỗi ngày.

2. Circle the correct words or phrases in bold. Sometimes (*Khoanh chọn từ/ cụm từ in đậm đúng. thỉnh thoảng cả hai từ đều đúng.*)

1. The man offered **to give/giving** me the job.
2. She managed **to pass/passing** the exam for that top school.
3. The students discussed **to choose/choosing** a career.
4. Did your teacher mention **to take/taking** vocational courses?
5. The company refuses **to employ/employing** poorly qualified applicants.
6. The teacher continued **to talk/talking** about job opportunities when the principal came in.

Hướng dẫn giải

1. to give	2. to pass	3. choosing	4. talking	5. to employ	6. to talk/talking
------------	------------	-------------	------------	--------------	--------------------

3. Choose the correct answer(s). (*Chọn đáp án đúng.*)

1. The school is expected _____ good citizens for society.
A. to provide B. provide C. providing
2. The school headmaster promised _____ practical study programmes to students.
A. to offer B. offer C. offering
3. The company admitted _____ the employee unfairly.
A. to dismiss B. dismiss C. dismissing
4. She doesn't mind _____ hard to reach her career goals.
A. work B. to work C. working
5. It may be too late to begin _____ vocational skills after you leave school.
A. to learn B. learn C. learning
6. Many more students tend _____ in vocational schools than in senior secondary schools.
A. enrolling B. to enrol C. enrol

Hướng dẫn giải

1.A	2.A	3.C	4.C	5.A and C	6. B
-----	-----	-----	-----	-----------	------

Hướng dẫn dịch

1. Nhà trường được mong đợi cung cấp những công dân tốt cho xã hội.
2. Hiệu trưởng hứa sẽ cung cấp các chương trình học thiết thực cho học sinh.
3. Công ty thừa nhận đã đuổi các nhân viên không trung thành.
4. Cô ấy không ngại làm việc chăm chỉ để đạt được mục đích nghề nghiệp của cô ấy.
5. Có thể là quá trễ khi bắt đầu học các kỹ năng nghề nghiệp sau khi bạn ra trường.
6. Ngày càng nhiều học sinh có xu hướng học trường nghề hơn là trường trung học cơ sở.

4. Complete the sentences using the ideas in the pictures (Hoàn thành những câu sau dùng những ý tưởng trong tranh và dạng đúng của động từ trong ngoặc.)



1. Oh, no! I forgot _____ the door! (**LOCK**)
2. ... I don't remember _____ you at the job fair last year. (**MEET**)
3. I've been trying _____ the employment office, but no one is answering! (**CONTACT**)
4. Did you remember _____ your CV? It's the deadline this morning. (**SEND**)
5. I will never forget _____ so hard to become an architect. (**WORK**)
6. Please, stop _____. The library is a quiet space. (**TALK**)
7. Why don't you try _____ your CV to the company? They are looking for people like you. (**POST**)
8. She stopped reading _____ the phone. (**ANSWER**)

Hướng dẫn giải

1. to lock	2. meeting	3. to contact	4. to send
5. working	6. talking	7. posting	8. to answer

5. Complete each second sentence using the right form of the word (*Hoàn thành mỗi câu thứ hai sử dụng dạng đúng của từ được cho để có nghĩa tương tự với câu đầu tiên, Viết khoảng 2 đến 5 từ.*)

1. The boy finally succeeded in dealing with his peers at the vocational school. (manage)
→ The boy _____ his peers at the vocational school.

2. She tried hard to cooperate with the others in the team to finish the work. (attempt)
→ She _____ others in the team to finish the work.

3. Although he made efforts in his work, he wasn't promoted. (in spite of)
→ He wasn't promoted _____ efforts in his work.

4. The boss said he didn't bully the new employee. (deny)
→ The boss _____ employee.

5. Although the man was qualified for the job, he wasn't accepted. (Despite)
→ _____ for the job, he wasn't accepted.

Hướng dẫn giải

1. The boy **finally managed to deal with** his peers at the vocational school.

2. She **attempted to cooperate with** the others in the team to finish the work.

3. He wasn't promoted **in spite of his** efforts.

4. The boss **denied bullying the new** employee.

5. **Despite being qualified** for the job, he wasn't accepted./ **Despite qualifying** for the job, he wasn't accepted.